

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST  
Ngày 22 tháng 02 năm 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/20201TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992. Địa chỉ: 24/2 N V T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thu H. Địa chỉ: 580/1/36 T C, Tổ 02, phường C L, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 04-10-2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và bà Trương Thị Thu H có quan hệ quen biết và làm ăn với nhau. Do cần tiền đầu tư làm ăn nên bà H có vay của bà các lần tiền như sau:

Ngày 25-3-2021 (Âm lịch, tức ngày 06-5-2021) vay số tiền 60.000.000 đồng

Ngày 02-4-2021 vay số tiền 420.000.000 đồng.

Tổng các lần vay bà H vay của bà số tiền là 480.000.000đồng, tất cả các khoản vay này bà H đều viết giấy vay cho bà, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 4 tháng. Sau khi vay tiền, bà H chưa trả lãi và gốc cho bà như đã cam kết, bà

đã nhiều lần tìm gặp và yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H cố tình trốn tránh, không trả nợ cho bà như đã cam kết.

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Thu H trả số tiền nợ gốc là 480.000.000đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi 10 %/năm, thời điểm tính lãi kể từ ngày vay đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Trương Thị Thu H trả cho bà số tiền 480.000.000đồng nợ gốc và rút một phần yêu cầu nợ lãi chỉ yêu cầu bà H trả lãi của số tiền 420.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm, thời điểm tính lãi kể từ ngày viết giấy vay là ngày 02-4-2021 đến nay ngày 22-02-2022.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn bà Trương Thị Thu H:*

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Trương Thị Thu H. Tuy nhiên, bà Trương Thị Thu H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Trương Thị Thu H không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 480.000.000đồng và rút một phần yêu cầu về tính lãi. Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 464, 465, 466, Khoản 2 Điều 468 và Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Trương Thị Thu H.

Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Trương Thị Thu

H cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

*[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngày 02-4-2021 bà H vay của bà M số tiền 420.000.000 đồng, ngày 25-3-2021 âm lịch (ngày 06-5-2021 dương lịch) bà H vay của bà M số tiền 60.000.000 đồng, tổng cộng các lần vay bà H vay của bà M số tiền 480.000.000 đồng, khi vay tiền bà H có viết giấy mượn tiền cho bà M, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Sau khi vay tiền bà H không trả tiền lãi và gốc như đã cam kết. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 480.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 10%/năm, thời điểm tính lãi kể từ ngày viết giấy vay đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Trương Thị Thu H trả cho bà số tiền 480.000.000 đồng nợ gốc và rút một phần yêu cầu nợ lãi chỉ yêu cầu bà H trả lãi của số tiền 420.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm, thời điểm tính lãi kể từ ngày viết giấy vay là ngày 02-4-2021 đến nay.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà M yêu cầu bà H phải trả số tiền còn nợ là 480.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn giữa bà M và bà H được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị và được pháp luật bảo vệ.

Bà M đã cung cấp chứng cứ là “Giấy nhận nợ” có nội dung thể hiện ngày 02-4-2021 (có dấu hiệu chỉnh sửa năm 2020 thành năm 2021) có cho bà H vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 4 tháng mà bà H ghi là 4 ngày nên bà H cũng chỉnh lại 4 tháng cho đúng thực tế hai bên thỏa thuận có chữ ký và chữ viết họ tên Trương Thị Thu H.

Bà M cho rằng mẫu giấy nhận nợ là của bà M còn chữ viết bút mực là chữ viết của bà H do bà H viết nhầm là ngày 02-4-2020 nhưng đúng là ngày 02-4-2021 nên bà H đã chỉnh lại cho đúng. Xét giấy nhận nợ có dấu hiệu chỉnh sửa năm vay tiền và thời hạn trả nợ nhưng việc xác định năm vay tiền và thời hạn trả nợ đều có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận như yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài giấy nhận nợ nêu trên bà M còn cung cấp chứng cứ là văn bản ngày 25-3-2021 âm lịch có nội dung vay tiền nhưng không có tiêu đề, giấy vay tiền này thể hiện nội dung bà H vay số tiền 60.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn vay cũng như lãi suất. Bà M cho rằng đây là chữ viết của bà H.

Mặc khác từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện bà H

đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, nên được chấp nhận.

*Về lãi suất:* Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu về lãi suất, cụ thể bà Minh rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 60.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 420.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), tính từ ngày vay là ngày 02-4-2021 đến ngày 22-02-2022.

Xét việc rút một phần yêu cầu về tính lãi nói trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét tại giấy nhận nợ ngày 02-4-2021 thể hiện “lãi suất hai bên thỏa thuận” như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.* Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền nợ gốc để tính lãi là 420.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày vay 02-4-2021 đến ngày 22-02-2022 là ngày sơ thẩm là 10 tháng 20 ngày; mức lãi suất áp dụng mức là 10%/năm (0,83%/tháng); Tiền nợ lãi được tính là: 420.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 20 ngày = 37.380.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà H phải trả cho bà M là: 480.000.000 đồng + 37.380.000 đồng = 517.380.000 đồng

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà Trương Thị Thu H trả nợ vay.

**Buộc bà Trương Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 517.380.000 đồng, trong nợ gốc là 480.000.000 đồng và nợ lãi là 37.380.000 đồng (Nợ lãi tính từ ngày 02-4-2021 đến ngày 22-02-2022).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

Bà Trương Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.695.200 đồng (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.080.000 đồng (*Mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000942 ngày 26-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

